

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ TƯ PHÁP – CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC  
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,  
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT THÀNH PHỐ

TÌM HIỂU QUY ĐỊNH VỀ  
THẨM QUYỀN VỀ ĐẦU TƯ  
THEO QUY ĐỊNH CỦA  
**LUẬT**  
**PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**  
(Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2026)



THÁNG 9 NĂM 2026

**THẨM QUYỀN VỀ ĐẦU TƯ  
(ĐIỀU 34)**

**Thẩm quyền về đầu tư quy định  
như sau:**

1. Hội đồng nhân dân Thành phố  
có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư  
dự án đầu tư công, dự án PPP là dự án  
quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân  
sách Thành phố, nguồn vốn hợp pháp  
khác của Thành phố, trừ dự án nhà máy  
điện hạt nhân;

b) Quyết định chủ trương đầu tư  
dự án đầu tư công, dự án PPP trên địa bàn  
Thành phố có sử dụng nguồn vốn ngân  
sách trung ương, sử dụng nguồn vốn hỗ  
trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi  
của nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết  
định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ  
tướng Chính phủ trong trường hợp được  
Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao;  
quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư  
dự án đầu tư công, dự án PPP đã được  
Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết

định chủ trương đầu tư và giao Ủy ban  
nhân dân Thành phố làm cơ quan chủ  
quản thực hiện dự án trong trường hợp  
không làm tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân  
sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ phát  
triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nước  
ngoài.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố  
quy định việc đánh giá sự phù hợp của dự  
án với quy hoạch trên cơ sở nguyên tắc  
của pháp luật về quy hoạch trong chấp  
thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư,  
quyết định chủ trương đầu tư, quyết định  
giao chủ đầu tư, quyết định đầu tư dự án,  
lựa chọn nhà đầu tư và cấp giấy chứng  
nhận đăng ký đầu tư.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân  
Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư  
dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân  
dân Thành phố theo quy định của pháp  
luật về đầu tư công, đầu tư theo phương  
thức đối tác công tư;

b) Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ dự án đầu tư có kinh doanh đặt cược, casino, dự án đầu tư nhà máy điện hạt nhân, dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, xuất bản, báo chí, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật trên địa bàn Thành phố.

4. Đối với dự án lớn, quan trọng cần áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền và sau khi tham vấn các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hình thức lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu, loại hợp đồng và cơ chế thanh toán đối với dự án PPP;

b) Trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, cấp bách trên địa bàn Thành phố;

c) Việc chỉ định thầu, chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với dự án, công trình khẩn cấp, cấp bách hoặc dự án, công trình, hạng mục công trình cần triển khai ngay nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện dự án, công trình;

d) Cơ chế, chính sách về đầu tư, quản lý cơ sở hạ tầng và biện pháp hỗ trợ khác cho phát triển dịch vụ pháp lý, giải quyết tranh chấp quốc tế trên địa bàn Thành phố.

6. Đối với dự án do cơ quan có thẩm quyền của Thành phố quyết định

hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà ở, đấu thầu chậm triển khai trước ngày Luật Phát triển đô thị có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hoặc quyết định chính sách, biện pháp đặc biệt, khác với quy định của pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu sau đây:

a) Phải có kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc bản án đã có hiệu lực pháp luật, trong đó nguyên nhân dẫn đến vi phạm, sai phạm là do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước hoặc do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư, chủ đầu tư; cho phép xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đồng thời với quá trình xử lý trách nhiệm theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án, bảo đảm không làm phát sinh sai phạm mới và có phương án khắc phục thiệt hại;

b) Đối với dự án đang trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, hành chính, dân sự thì việc áp dụng quy định tại khoản này chỉ được thực hiện sau khi có

bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định đình chỉ vụ án; trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật có nội dung quyết định xử lý khác với quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo quy định tại khoản này thì thực hiện theo bản án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm khắc phục hậu quả các vi phạm về kinh tế, thu hồi lợi ích vật chất do hành vi vi phạm; không hợp pháp hóa sai phạm, không để phát sinh sai phạm mới; kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân có hành vi lợi dụng việc thực hiện quy định tại khoản này để tham nhũng, tiêu cực, bao che hành vi vi phạm;

d) Bảo đảm phù hợp với thực tiễn khách quan, hoàn cảnh lịch sử cụ thể; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan, lợi ích chính đáng của bên thứ ba ngay tình trong lợi ích tổng thể của quốc gia theo quy định của pháp luật; bảo đảm

an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hạn chế tối đa tranh chấp, khiếu kiện, nhất là tranh chấp có yếu tố nước ngoài;

đ) Phải phân loại dự án theo tiêu chí về nguyên nhân chậm triển khai; việc quyết định các biện pháp giải quyết phải phù hợp với tình trạng pháp lý, nghĩa vụ tài chính, mức độ vi phạm và khả năng tiếp tục thực hiện của từng dự án;

e) Công khai đầy đủ các thông tin về dự án, khó khăn, vướng mắc và tất cả trình tự, thủ tục, quyết định xử lý dự án; trước ngày 31 tháng 12 hằng năm báo cáo Chính phủ tình hình xử lý dự án nếu áp dụng chính sách, biện pháp khác với quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội nếu khác với quy định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

g) Việc xử lý dự án chậm triển khai quy định tại khoản này phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2031;

h) Việc xử lý dự án chậm triển khai quy định tại khoản này không làm thay đổi hoặc làm chấm dứt trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm pháp lý khác theo kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc theo bản án đã có hiệu lực pháp luật (nếu có).

7. Nhà đầu tư được gia hạn thời hạn hoạt động của dự án trước khi hết thời hạn hoạt động của dự án, trừ trường hợp Luật Đầu tư không cho phép gia hạn.



**THÁNG 9 NĂM 2026**  
**SỞ TƯ PHÁP TP.HỒ CHÍ MINH**